TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm: 1989 (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp 5, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bị đơn: Ông Lương Hữu T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thái T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thái T xây dựng gia đình với ông Lương Hữu T vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà T và ông T hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không lo làm ăn từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã. Bà T và ông T đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Từ tháng 4/2020 bà T và ông T ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lương Hữu T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã triệu tập ông Lương Hữu T đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thái T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lương Hữu T đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lương Hữu T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Lương Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Thái T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà T, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T xây dựng gia đình vào năm 2018 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 134, đăng ký ngày 02/10/2018 tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi xây dựng gia đình bà T và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình về lối sống nên thường xảy ra cải vã.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không biết, do không hòa giải ở cơ sở nhưng hiện nay bà T và ông T không còn chung sống với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông

T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ tháng 4/2020 đến nay bà T và ông T ly thân. Sau khi bà T gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông T vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thái T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Thái T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Tàin thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thái T đối với ông Lương Hữu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thái T được ly hôn với ông Lương Hữu T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Lương Hữu T không có con chung nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thái T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thái T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009095 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,

7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HB;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo